

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/CV-DLG

Gia Lai, ngày 31 tháng 03 năm 2022

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

**1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai**

- Mã chứng khoán: **DLG**
- Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại liên hệ: (84-269) 3748 367 Fax: (84-269) 3747 366
- E-mail: [duclong@duclonggroup.com](mailto:duclong@duclonggroup.com)
- Website: <http://duclonggroup.com/>

**2. Nội dung thông tin công bố:**

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán;
- Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2021 đã được kiểm toán;
- Công văn số 22/2022/CV-DLGL ngày 31/03/2022 về việc giải trình liên quan BCTC năm 2021 đã được kiểm toán.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2022 tại đường dẫn: <http://www.duclonggroup.com/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán;
- BCTC riêng lẻ năm 2021 đã được kiểm toán;
- Công văn số 22/2022/CV-DLGL.

**CTCP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN TƯỜNG CỘT**

**Kính gửi :** Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.  
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ vào báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt và công bố thông tin đại chúng;

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (DLG) giải trình chênh lệch liên quan đến Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt như sau:

**I. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo năm 2020; Lợi nhuận sau thuế chuyển từ lỗ ở báo cáo năm 2020 sang lãi ở năm 2021:**

**1. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ:**

Stt	Chỉ tiêu	Sau kiểm toán		Chênh lệch	% Tăng/ giảm
		Năm 2021	Năm 2020		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	83.827.047.782	311.504.257.903	(227.677.210.121)	(73,09)
2	Doanh thu thuần về bh và c.cấp dịch vụ	83.827.047.782	311.504.257.903	(227.677.210.121)	(73,09)
3	Giá vốn hàng bán	82.538.588.074	362.700.017.324	(280.161.429.250)	(77,24)
4	Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	1.288.459.708	(51.195.759.421)	52.484.219.129	
5	Doanh thu hoạt động tài chính	221.253.700.988	155.082.877.214	66.170.823.774	42,67
6	Chi phí tài chính	215.196.393.437	836.326.432.978	(621.130.039.541)	(74,27)
7	Chi phí bán hàng	192.438.210	237.179.278	(44.741.068)	(18,86)
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(37.659.775.268)	281.358.334.847	(319.018.110.115)	
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	44.813.104.317	(1.014.034.829.310)	1.058.847.933.627	
10	Thu nhập khác	282.866.785	1.571.219.942	(1.288.353.157)	(82,00)
11	Chi phí khác	8.406.520.575	30.507.765.091	(22.101.244.516)	(72,44)
12	Lợi nhuận khác	(8.123.653.790)	(28.936.545.149)	20.812.891.359	(71,93)
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.689.450.527	(1.042.971.374.459)	1.079.660.824.986	
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN	36.689.450.527	(1.042.971.374.459)	1.079.660.824.986	

Nguyên nhân chênh lệch như sau:

- Trong năm 2021, Do dịch Covid-19 bùng phát đợt 4 tại Việt Nam rất khốc liệt với nhiều loại biến chủng cực kỳ nguy hiểm và kéo dài, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một số ngành nghề tạm dừng hoạt động là nguyên nhân dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 227,7 tỷ đồng, giá vốn trong năm cũng giảm 280,2 tỷ đồng. Nhưng lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 52,4 tỷ đồng.

Doanh thu hoạt động tài chính tăng 66,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020, do điều chỉnh lãi suất cho vay theo lãi suất của thị trường và phát sinh khoản lãi từ thoái vốn các công ty con.

- Chi phí tài chính giảm 621,1 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020, do khoản lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư giảm và trích lập dự phòng đầu tư tài chính giảm.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 319 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020, do trích lập nợ phải thu khó đòi trong năm giảm so với năm trước và hoàn nhập các khoản công nợ đã trích lập dự phòng các năm trước do đã thu hồi trong năm nay.

- Chi phí khác giảm 22,1 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020, do điều chỉnh lại chi phí tiền chậm nộp năm 2021 và không phát sinh khoản chuyển nhượng dự án.

- Từ các nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm 2020 từ lỗ 1.042,9 tỷ đồng sang năm 2021 lợi nhuận sau thuế TNDN lãi số tiền: 36,6 tỷ đồng.

## 2. Tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Stt	Chỉ tiêu	Sau kiểm toán		Chênh lệch	% Tăng/ giảm
		Năm 2021	Năm 2020		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.549.207.937.792	2.039.143.865.644	(489.935.927.852)	(24,03)
2	Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	1.544.441.771.129	2.034.491.502.664	(490.049.731.535)	(24,09)
3	Giá vốn hàng bán	1.255.642.599.680	1.670.179.377.659	(414.536.777.979)	(24,82)
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ</b>	<b>288.799.171.449</b>	<b>364.312.125.005</b>	<b>(75.512.953.556)</b>	<b>(20,73)</b>
5	Doanh thu hoạt động tài chính	359.198.193.913	173.239.167.233	185.959.026.680	107,34
6	Chi phí tài chính	494.692.938.555	823.693.957.827	(329.001.019.272)	(39,94)
7	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty l.doanh, l.kết	(329.172.329)	106.040.426	(435.212.755)	
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	120.227.377.056	523.196.403.522	(402.969.026.466)	(77,02)
<b>9</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>14.712.728.749</b>	<b>(828.378.523.340)</b>	<b>843.091.252.089</b>	
10	Thu nhập khác	7.389.796.447	15.558.698.148	(8.168.901.701)	(52,50)
11	Chi phí khác	17.391.117.902	48.015.451.614	(30.624.333.712)	(63,78)
<b>12</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(10.001.321.455)</b>	<b>(32.456.753.466)</b>	<b>22.455.432.011</b>	<b>(69,19)</b>
<b>13</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>4.711.407.294</b>	<b>(860.835.276.806)</b>	<b>865.546.684.100</b>	
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.089.230.124	13.647.349.906	(5.558.119.782)	(40,73)
15	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(15.170.424.775)	54.110.950.151	(69.281.374.926)	
<b>16</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>11.792.601.945</b>	<b>(928.593.576.863)</b>	<b>940.386.178.808</b>	

Nguyên nhân chênh lệch như sau:

- Doanh thu trong năm của Tập đoàn giảm so với cùng kỳ năm 2020 là do ảnh hưởng của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Sars - Covid 2 (Covid 19) liên tục làm gián đoạn nền kinh tế và giao dịch toàn cầu. Đặc biệt ảnh hưởng từ việc sụt giảm mạnh từ doanh thu bán linh kiện điện tử của Công ty MassNoble tại Hong Kong những khách hàng chính với lượng hàng tồn kho dư thừa từ các năm trước khiến đơn hàng của họ cũng giảm đáng kể trong năm 2021 và trong nước, doanh thu thu phí tại 04 trạm BOT giảm do giãn cách xã hội,... Vì vậy doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sụt giảm 489,9 tỷ đồng, đồng thời giá vốn hàng bán giảm 414,5 tỷ đồng, tương ứng lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 75,5 tỷ đồng.

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 186 tỷ đồng, do Công ty mẹ điều chỉnh lãi suất cho vay theo lãi suất thị trường và trong năm 2021 phát sinh khoản lãi từ thoái vốn các công ty con.

- Chi phí hoạt động tài chính giảm 329 tỷ đồng, do chi phí lãi vay và khoản lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư giảm so với cùng kỳ năm 2020.

- Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết giảm do lợi nhuận sau thuế TNDN tại Công ty liên kết giảm.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm giảm 402 tỷ đồng, chủ yếu do trích lập nợ phải thu khó đòi trong năm giảm so với năm trước và hoàn nhập các khoản công nợ đã trích lập dự phòng các năm trước do đã thu hồi trong năm nay.

- Thu nhập khác tại công ty con giảm so với cùng kỳ năm trước.

- Chi phí khác trong năm giảm 30,6 tỷ đồng, do Công ty mẹ điều chỉnh giảm tiền chậm nộp, không phát sinh chi phí thanh lý giá trị còn lại của vườn cây phá bỏ tại Công ty con và Công ty mẹ không phát sinh khoản chuyển nhượng dự án trong năm 2021.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 5,5 tỷ đồng chủ yếu tại Công ty con phát sinh lỗ nên không có chi phí thuế TNDN.

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại giảm 69,2 tỷ đồng, nguyên nhân chính loại trừ khoản hoàn nhập trích lập dự phòng đầu tư tài chính công ty mẹ vào các công ty con thoái vốn trong năm.

Từ các nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm 2020 từ lỗ 928,5 tỷ đồng sang năm 2021 lợi nhuận sau thuế TNDN lãi số tiền: 11,7 tỷ đồng.

## II. Giải trình lợi nhuận sau thuế trong báo cáo tài chính tự lập quý 4/ 2021 có sự chênh lệch từ 5% trở lên so với báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán:

### 1. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ:

Khoản mục	BCTC riêng lẻ năm 2021 (Đã kiểm toán)	BCTC riêng lẻ Quý 4/2021 (Chưa kiểm toán)	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	36.689.450.527	30.890.166.739	5.799.283.788

Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu như sau:

- Chi phí tài chính tăng 11,29 tỷ đồng, do trích lập dự phòng đầu tư tài chính tại Công ty con tăng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm hơn 30,37 tỷ đồng, do hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi tăng.

- Thu nhập khác giảm do trình bày lại thu nhập bán gỗ về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí khác tăng 1,5 tỷ đồng, do một số tài sản cố định không tạo ra doanh thu trong năm 2021 nên điều chỉnh chi phí khấu hao trong năm sang chi phí khác.

- Từ các nguyên nhân chính trên dẫn đến lợi nhuận kế toán trước thuế và sau thuế TNDN tăng 5,7 tỷ đồng.

### 2. Tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Khoản mục	BCTC hợp nhất năm 2021 (Đã kiểm toán)	BCTC riêng lẻ Quý 4/2021 (Chưa kiểm toán)	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.792.601.945	14.478.239.934	(2.685.637.989)

Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu như sau:

- Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 24,4 tỷ đồng, do điều chỉnh giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 31,4 tỷ đồng, do ghi nhận tăng lãi thoái vốn công ty con từ khoản đã ghi nhận trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ điều chỉnh sau kiểm toán.

- Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết giảm 115 triệu đồng, do trích lập nợ phải thu khó đòi tăng dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN tại công ty liên kết cũng giảm theo.

- Chí phí bán hàng giảm 1,9 tỷ đồng, do điều chỉnh giảm chi phí vận chuyển và dịch vụ mua ngoài tại công ty con.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 22,8 tỷ đồng, do giảm trích lập dự phòng và hoàn nhập các khoản công nợ đã trích lập dự phòng các năm trước do đã thu hồi trong năm nay.

- Thu nhập khác giảm do công ty mẹ trình bày lại thu nhập bán gổ về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại tăng 6 tỷ đồng từ việc loại trừ khoản hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính công ty mẹ vào công ty con giảm và khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi trích lập tại Công ty con tăng.

- Từ các nguyên nhân chính trên dẫn đến lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN giảm 2,6 tỷ đồng.

### **III. Giải trình vấn đề cần nhấn mạnh trên báo cáo kiểm toán tại báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2021.**

#### **Vấn đề cần nhấn mạnh số 1:**

Trên Báo cáo tài chính riêng lẻ: *“Tại Thuyết minh V.5 – Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng), Công ty đã cho một số tổ chức, cá nhân vay với số tiền là 2.124.750.308.109 đồng. Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh của bên thứ 3.*”

Trên báo cáo tài chính hợp nhất: *“Theo thuyết minh V.5 – Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất), Tập đoàn đã cho một số tổ chức, cá nhân vay với số tiền là 2.278.295.423.735 đồng. Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh của bên thứ 3.”*

**Chúng tôi giải trình như sau:** Công ty đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 26 của Nghị định số 71/NĐ – CP ngày 06/6/2017. Nội dung này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua và có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 19/06/2021 ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng và người có liên quan. Ngày 01/02/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-HĐQT-ĐLGL về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan. Tất cả các khoản cho vay đều có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của tại BCTC kiểm toán năm 2021.

#### **Vấn đề cần nhấn mạnh số 2:**

Trên Báo cáo tài chính riêng lẻ: *“Tại Thuyết minh số VII.7 – Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục, tại ngày 31/12/2021, khoản lỗ thuần của Công ty là (1.071.178.105.858) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty là 201.863.844.354 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.”*

Trên báo cáo tài chính hợp nhất: *“- Theo Thuyết minh số VIII.7 – Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục, tại ngày 31/12/2021, khoản lỗ thuần của Tập đoàn là (850.365.107.591) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá*

*tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 400.377.130.932 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.”*

**Chúng tôi giải trình như sau:** Tại ngày 31/12/2021, khoản lỗ thuần của Tập đoàn là (850.365.107.591) đồng; Công ty mẹ là (1.071.178.105.858) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn 400.377.130.932 đồng; Công ty mẹ là 201.863.844.354 đồng; Công ty có một số khoản nợ phải trả và vay đã quá hạn thanh toán với tổng giá trị ước tính là 1.767.001.573.335 đồng; Công ty mẹ là 1.756.548.994.568 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, trong năm 2021, Công ty đã cơ bản thực hiện thành công phương án tái cấu trúc tình hình tài chính của Doanh nghiệp, rà soát sắp xếp tái cấu trúc lại bộ máy nhân sự ban điều hành và cán bộ công nhân viên, cắt giảm chi phí quản lý của Doanh nghiệp, tiếp tục thoái vốn tại một số Công ty con đang hoạt động sản xuất kinh doanh kém hiệu quả do ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19 để tập trung nguồn vốn giảm dần dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn tại các Ngân hàng, tổ chức tín dụng, vay khác với số tiền 224.547.817.346 đồng (trong đó Công ty mẹ số tiền 224.547.817.346 đồng), giảm chi phí lãi vay. Đồng thời tái cấu trúc lại tình hình tài chính Doanh nghiệp, tăng nguồn vốn lưu động để bổ sung duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo hiệu quả và lợi nhuận, giảm dần sự mất cân đối tài chính giữa các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty. Định hướng của Hội đồng Quản trị Công ty đã đưa ra kế hoạch và mục tiêu trong năm 2022 ÷ 2023, tập trung phối hợp với các Ngân hàng và tổ chức tín dụng để đưa ra nhiều phương án xử lý nợ như tìm kiếm đối tác để tiếp tục chuyển nhượng các tài sản, dự án kém hiệu quả nhằm giảm dần dư nợ gốc. Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các thủ tục pháp lý các dự án Năng lượng điện mặt trời, điện gió bổ sung vào qui hoạch lưới điện quốc gia, để tìm đối tác huy động nguồn vốn hoặc chuyển nhượng một phần dự án nhằm tất toán nợ gốc quá hạn ngân hàng chậm nhất đến ngày 31/12/2023 và miễn toàn bộ lãi phát sinh, lãi phạt quá hạn. Công ty khẳng định tình hình sản xuất kinh doanh vẫn đang hoạt động ổn định, đảm bảo Doanh thu và lợi nhuận hàng năm theo kế hoạch. Ban Tổng Giám đốc chúng tôi tin rằng cơ sở hoạt động liên tục là thích hợp trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### **Vấn đề khác:**

Tại báo cáo tài chính riêng lẻ:

*“Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo ngày 10 tháng 04 năm 2021 với ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Vấn đề ngoại trừ liên quan đến việc thanh lý khoản đầu tư chưa đủ điều kiện ghi nhận. Vấn đề nhấn mạnh là các khoản cho tổ chức, cá nhân vay không có tài sản đảm bảo và nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.*

*Vấn đề ngoại trừ bởi Công ty kiểm toán năm trước đã được Công ty trình bày lại số dư đầu năm trong Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và số năm trước trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) đính kèm (xem Thuyết minh VII.5). Vấn đề này không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.*

*- Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo kiểm toán rằng, phạm vi của Báo cáo tài chính (riêng) này chỉ phản ánh tình hình tài chính (riêng) và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả kinh doanh*

cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Việc hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty với công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.”

Tại báo cáo tài chính hợp nhất:

“ Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo ngày 10 tháng 04 năm 2021, đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ có vấn đề cần nhấn mạnh. Vấn đề ngoại trừ liên quan đến việc thanh lý khoản đầu tư chưa đủ điều kiện ghi nhận. Vấn đề nhấn mạnh là các khoản cho tổ chức, cá nhân vay không có tài sản đảm bảo và nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục của của Tập đoàn.

Vấn đề ngoại trừ bởi Công ty kiểm toán năm trước đã được Tập đoàn trình bày lại số dư đầu năm trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và số năm trước trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) đính kèm (xem Thuyết minh VIII.5). Vấn đề này không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.”

**Chúng tôi xin giải trình vấn đề này như sau:**

Nội dung trên chúng tôi đã giải trình tại công văn số 127/2021/CV-DLGL ngày 29/09/2021 đã gửi cho Sở giao dịch Chứng khoán TP HCM về việc giải trình các vấn đề liên quan đến BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2021.

Công ty thực hiện điều chỉnh một số sai sót của năm trước trên BCTC năm 2021 theo quy định tại đoạn 23 và đoạn 37 của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và sai sót”.

Do các nguyên nhân sau:

- Ban Tổng giám đốc đã tiến hành rà soát xét thấy khoản thanh lý đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nông trại Cao Nguyên Quảng Phú 1 chưa đủ điều kiện ghi nhận theo thỏa thuận tại hợp đồng chuyển nhượng góp vốn năm 2020. Trước đây, Công ty (mẹ) đã hạch toán giảm toàn bộ khoản đầu tư này, hiện tại đã trình bày lại khoản đầu tư này thành Đầu tư tài chính ngắn hạn.

- Công ty CP BOT và BT Gia Lai (công ty con) đã hủy bút toán trích lập dự phòng phải thu Công ty (mẹ) trong năm 2019 và 6 tháng cuối năm 2020 do sau khi đánh giá lại rủi ro về thu hồi công nợ đến hiện tại xét thấy không đủ điều kiện ghi nhận khoản trích lập dự phòng phải thu này. Trước đây, khi trích lập dự phòng đầu tư tài chính Công ty (mẹ) vẫn tính toán trên giá trị thuần của Công ty con bao gồm khoản dự phòng phải thu mà Công ty con đã hủy.

- Công ty chưa loại trừ dự phòng phải thu do Công ty (mẹ) trích lập với Công ty CP Bến xe liên tỉnh phía Nam thành phố Đà Nẵng (công ty con) trong năm 2020 khi hợp nhất báo cáo Tập đoàn. Trước đây, Công ty vẫn trình bày khoản dự phòng phải thu Công ty (mẹ) trích lập với Công ty con trên báo cáo Hợp nhất Tập đoàn.

Ngoại trừ các khoản mục đã được điều chỉnh hồi tố trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2021.

#### **1. Đối với BCTC riêng lẻ tại mục VII.5 số liệu so sánh:**

Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
(1)	(2)	(3)	(2)+(3)

**Bảng cân đối kế toán  
Tài sản**

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	50.000.000.000	50.000.000.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	454.532.545.517	(15.000.000.000)	439.532.545.517
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(338.187.585.692)	(18.000.000.000)	(356.187.585.692)
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(394.063.125.368)	7.370.940.336	(386.692.185.032)
<b>Cộng</b>		<b>(277.718.165.543)</b>	<b>24.370.940.336</b>	<b>(253.347.225.207)</b>
<b>Nguồn vốn</b>				
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	92.093.726.239	17.000.000.000	109.093.726.239
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(70.483.327.189)	5.587.145.263	(64.896.181.926)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(1.044.755.169.532)	1.783.795.073	(1.042.971.374.459)
<b>Cộng</b>		<b>(1.023.144.770.482)</b>	<b>24.370.940.336</b>	<b>(998.773.830.146)</b>

Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
(1)	(2)	(3)	(2)+(3)

**Báo cáo hoạt động kinh doanh**

- Chi phí tài chính	22	856.110.228.051	(19.783.795.073)	836.326.432.978
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	263.358.334.847	18.000.000.000	281.358.334.847
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(1.015.818.624.383)	1.783.795.073	(1.014.034.829.310)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(1.044.755.169.532)	1.783.795.073	(1.042.971.374.459)
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(1.044.755.169.532)	1.783.795.073	(1.042.971.374.459)

**2. Đối với BCTC hợp nhất tại mục VIII.5 số liệu so sánh:**

Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
<b>Tài sản</b>			
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	50.000.000.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	813.423.192.266	(15.000.000.000)
- Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	231	(431.855.179.822)	(17.572.750.000)
<b>Cộng</b>		<b>381.568.012.444</b>	<b>17.427.250.000</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>			
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	140.233.087.163	17.000.000.000
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	89.168.840.707	(3.394.440.804)
		<b>13.605.559.196</b>	<b>243.007.487.066</b>



<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>(555.256.086.202)</b>	<b>3.821.690.804</b>	<b>(551.434.395.398)</b>
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(865.906.565.649)	(1.090.142.036)	(866.996.707.685)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	40.694.978.917	(2.145.460.067)	38.549.518.850
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(906.601.544.566)	1.055.318.031	(905.546.226.535)
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	310.650.479.447	4.911.832.840	315.562.312.287
<b>Cộng</b>		<b>(325.854.158.332)</b>	<b>17.427.250.000</b>	<b>(308.426.908.332)</b>

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
<b>Kết quả kinh Doanh</b>				
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	523.623.653.522	(427.250.000)	523.196.403.522
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(828.805.773.340)	427.250.000	(828.378.523.340)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(861.262.526.806)	427.250.000	(860.835.276.806)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	54.867.646.714	(756.696.563)	54.110.950.151
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(929.777.523.426)	1.183.946.563	(928.593.576.863)
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	(906.601.509.499)	1.055.318.030	(905.546.191.469)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(23.176.013.927)	128.628.533	(23.047.385.394)
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(3.029)	4	(3.025)
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(3.029)	4	(3.025)
	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)

<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>				
- Lợi nhuận trước thuế	01	(861.262.526.806)	427.250.000	(860.835.276.806)
- Các khoản dự phòng	03	304.203.186.932	17.572.750.000	321.775.936.932
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	225.078.000.487	(18.000.000.000)	207.078.000.487
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	323.920.715.503	-	323.920.715.503

Việc quyết định trình bày lại số liệu này ghi nhận những thay đổi vào lợi nhuận trong năm 2019 và 2020, nhằm đánh giá chính xác tình hình kết quả kinh doanh là bước đi quan trọng trong kế hoạch tái cấu trúc của Công ty.

**V. Trình bày lại phương pháp lập lưu chuyển tiền tệ từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp trên báo cáo tài chính riêng lẻ kiểm toán năm 2021:**

Để thuận lợi trong việc lập BCTC hợp nhất của Công ty và người đọc hiểu rõ hơn về việc sử dụng dòng tiền tại Công ty. Công ty xin trình bày lại lưu chuyển tiền tệ theo

phương pháp gián tiếp của BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2021 và các kỳ BCTC trong thời gian tới.

Dưới đây là lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp trên BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2021 như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>36.689.450.527</b>	<b>(1.042.971.374.459)</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>(32.706.391.389)</b>	<b>973.034.828.457</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.9, V.10, V.11	22.893.532.408	25.725.339.210
03	- Các khoản dự phòng	V.7, V.8, V.13	(168.748.237.103)	497.650.418.116
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	VI.4	47.888.094.550	6.059.303.101
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3, VI.4	(107.275.200.988)	254.768.322.438
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	172.535.419.744	188.831.445.592
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>3.983.059.138</b>	<b>(69.936.546.002)</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		188.179.301.218	164.739.905.080
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		13.648.626.146	4.901.685.529
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(101.067.254.365)	(103.877.224.643)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		39.222.733	439.755.247
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(6.126.239.829)	(8.103.834.103)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.17	(16.837.149)	(50.000.000)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(218.050.000)	(11.200.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>98.421.827.892</b>	<b>(11.897.458.892)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(9.967.844.911)	(2.110.916.609)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	78.216.900.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(463.610.556.009)	(1.170.417.487.392)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		254.570.344.539	1.296.014.036.529
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(235.915.610.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		158.193.505.700	17.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		185.774.534.821	117.787.742.326
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>124.959.984.140</b>	<b>100.574.664.854</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT</b>			

<b>ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.20	9.101.600.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.20	(234.167.977.350)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(225.066.377.350)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>		<b>(1.684.565.318)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	V.1	<b>5.609.663.982</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(95.561)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	V.1	<b>3.925.003.103</b>

Trên đây là giải trình của Công ty về Báo cáo tài chính riêng lẻ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Tường Col*